**Biểu 2: CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở ĐANG TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2022**

*(kèm theo văn bản số 5462/BXD-QLN ngày 30/11/2022)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Các loại hình nhà ở** | **Các dự án đang triển khai trong năm 2022** | | | **Phần nhà ở hoàn thành đầu tư xây dựng trong các Dự án đang triển khai** | | **Ghi chú** |
| **Số Dự án (dự án)** | **Diện tích (m2)** | **Số lượng (căn hộ)** | **Diện tích (m2)** | **Số lượng (căn hộ)** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* |
| **I** | **Nhà ở xây dựng mới** |  |  |  |  |  |  |
| ***1*** | ***Nhà ở thương mại, khu đô thị có nhà ở*** |  |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Nhà ở xã hội*** |  |  |  |  |  |  |
| *2.1* | *Nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại khu vực đô thị* |  |  |  |  |  |  |
| *2.2* | *Nhà ở xã hội cho công nhân KCN, KCX* |  |  |  |  |  |  |
| *2.3* | *Nhà ở xã hội cho học sinh, sinh viên* |  |  |  |  |  |  |
| *2.4* | *Nhà ở xã hội cho các đối tượng còn lại theo quy định lại Điều 49, Luật Nhà ở* |  |  |  |  |  |  |
| ***3*** | ***Nhà ở theo Chương trình mục tiêu*** |  |  |  |  |  |  |
| ***4*** | ***Nhà ở do người dân tự xây dựng*** |  |  |  |  |  |  |
| ***5*** | ***Nhà ở tái định cư*** |  |  |  |  |  |  |
| ***6*** | ***Nhà ở công vụ*** |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Cải tạo, sửa chữa nhà ở** |  |  |  |  |  |  |
| ***1*** | ***Cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ*** |  |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ*** |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

1. Các số liệu tại cột (3) đến cột (7) là số liệu hoàn thành riêng trong năm 2022, không phải số lũy kế từ các năm trước;

2. Đối với nhà ở tái định cư tại mục 5: trường hợp tái định cư bằng nhà thì ghi tại cột (3) đến (7); trường hợp tái định cư bằng tiền hoặc bằng đất thì ghi số lượng hộ được tái định cư tại cột (8).